

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24 /BC-HĐND-KTXH

Bù Đăng, ngày 17 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO THẨM TRA

Dự thảo Nghị quyết phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện năm 2023

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND huyện tại Công văn số 32/HĐND ngày 13/6/2024 về việc giao cho Ban Kinh tế – Xã hội thẩm tra dự thảo nghị quyết. Ngày 17/6/2024, Ban Kinh tế - Xã hội đã họp thẩm tra dự thảo nghị quyết phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện năm 2023 theo đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 12/6/2024.

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND huyện về việc thông qua dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023. Qua công tác giám sát, xem xét tờ trình của UBND huyện, Ban Kinh tế - Xã hội báo cáo HĐND huyện một số nội dung như sau:

I. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo nghị quyết kèm theo tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 12/6/2024 của UBND huyện về phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện năm 2023, Ban Kinh tế – Xã hội nhận thấy, tổng số chuyển nguồn và kết dư ngân sách địa phương năm 2023 chuyển sang năm 2024 là: **518.868.755.519 đồng**. Trong đó: Chuyển nguồn và kết dư ngân sách cấp huyện là: 454.892.637.982 đồng; chuyển nguồn và kết dư ngân sách cấp xã là: 63.976.117.537 đồng. Chi tiết như sau:

1. Chuyển nguồn và kết dư ngân sách cấp huyện: 454.892.637.982 đồng, bao gồm:

1.1. Các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán đến hết thời gian chính lý quyết toán chưa thực hiện được hoặc chưa sử dụng hết được chuyển sang năm 2024 tiếp tục sử dụng: **43.497.747.839 đồng** (kèm theo biểu số 01), gồm:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư Công: 15.000.633.251 đồng.

- Chuyển nguồn dự toán ngân sách Nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội: 17.722.179.037 đồng.

- Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước: 7.591.953.877 đồng.

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính

theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội: 3.182.981.674 đồng.

2.2. Các khoản tiết kiệm chi theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN cho phép sử dụng vào năm 2024: **411.394.890.143 đồng** (Kèm theo biểu số 03).

Trong đó:

- Nguồn XDCB: **52.992.717.587 đồng**, chi tiết như sau:
 - + Nguồn vốn phân cấp: 192.251.100 đồng.
 - + Nguồn vốn sử dụng đất: 8.919.261.621 đồng.
 - + Nguồn vốn tinh hỗ trợ xây dựng cầu dân sinh: 50.577.332 đồng.
 - + Nguồn hỗ trợ XD 100 phòng học: 31.119.822.488 đồng.
 - + Nguồn vốn tinh hỗ trợ thực hiện dự án Đa Bông Cua: 605.700.000 đồng.
 - + Nguồn vốn cân đối ngân sách: 8.404.033.575 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới: 1.210.403.320 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi: 2.483.668.151 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS: 7.000.000 đồng.
 - Nguồn chi thường xuyên: **358.402.172.556 đồng**, trong đó:
 - + Nguồn kinh phí cải cách tiền lương: 290.535.115.520 đồng.
 - + Nguồn kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng: 2.037.237.919 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 116/2016/NĐ-CP hỗ trợ học sinh và Nghị định 105/2020/NĐ-CP về tiền ăn trẻ em, Nghị định 81/2021/NĐ-CP về hỗ trợ chi phí học tập,...: 372.262.000 đồng.
 - + Nguồn sự nghiệp kinh tế: 12.447.311.478 đồng.
 - + Nguồn đảm bảo xã hội: 13.539.000.000 đồng.
 - + Nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 19.327.578.711 đồng.
 - + Nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường: 2.702.650.360 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi: 3.097.000.000 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS: 28.500.000 đồng.
 - + Nguồn kinh phí chi khác ngân sách: 173.097.500 đồng.
 - + Nguồn dự phòng năm 2023: 10.662.419.068 đồng.
 - + Kinh phí tạm ứng chi XDCB năm 2012: 3.480.000.000 đồng.
- 2. Chuyển nguồn và kết dư ngân sách cấp xã: 63.976.117.537 đồng.**

3. Phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi (theo khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Công văn số 1773/UBND-TH ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh) cho năm 2024, như sau:

3.1. Đối với cấp huyện: Chi chuyển nguồn theo phương án: **411.394.890.143 đồng** (Kèm theo biểu số 03), gồm các nội dung sau:

- Nguồn xây dựng cơ bản: **52.992.717.587 đồng**, chi tiết như sau:
 - + Nguồn vốn phân cấp giao UBND huyện phân bổ năm 2024: 192.251.100 đồng.
 - + Nguồn vốn sử dụng đất: Giao UBND huyện phân bổ số còn lại sau khi HĐND tỉnh thông qua: 8.919.261.621 đồng.
 - + Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng cầu dân sinh: 50.577.332 đồng.
 - + Nguồn hỗ trợ XD 100 phòng học (nguồn vốn Chương trình mục tiêu của tỉnh): 31.119.822.488 đồng.
 - + Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ thực hiện dự án Đa Bông Cua: 605.700.000 đồng.
 - + Nguồn vốn cân đối ngân sách giao UBND huyện phân bổ năm 2024: 8.404.033.575 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới (Chờ văn bản cấp trên): 1.210.403.320 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Chờ văn bản cấp trên): 2.483.668.151 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS (Chờ văn bản cấp trên): 7.000.000 đồng.
- Nguồn chi thường xuyên: **358.402.172.556 đồng**, chi tiết như sau:
 - + Nguồn kinh phí cải cách tiền lương: 290.535.115.520 đồng.
 - + Nguồn kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng: 2.037.237.919 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 116/2016/NĐ-CP hỗ trợ học sinh, Nghị định 105/2020/NĐ-CP về tiền ăn TE, Nghị định 81/2021/NĐ-CP về hỗ trợ chi phí học tập,...: 372.262.000 đồng.
 - + Nguồn sự nghiệp kinh tế: 12.447.311.478 đồng.
 - + Nguồn đảm bảo xã hội: 13.539.000.000 đồng.
 - + Nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 19.327.578.711 đồng.
 - + Nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường: 2.702.650.360 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi: 3.097.000.000 đồng.
 - + Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS: 28.500.000 đồng.
 - + Nguồn kinh phí chi khác ngân sách: 173.097.500 đồng.

+ Nguồn dự phòng năm 2023: 10.662.419.068 đồng.

+ Kinh phí tạm ứng chi XDCB năm 2012: 3.480.000.000 đồng.

3.2. Đối với cấp xã: Giao UBND các xã, thị trấn trình HĐND cùng cấp về phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi ngân sách cấp xã năm 2023 theo quy định.

II. Nhận xét

Ban Kinh tế - Xã hội nhận thấy, việc UBND huyện lập tờ trình kèm theo dự thảo nghị quyết trình HĐND huyện xem xét thông qua phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện năm 2023 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; điểm 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; Công văn số 1773/UBND-TH ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xử lý chuyển nguồn và kết dư ngân sách địa phương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Tuy nhiên, để hạn chế việc chuyển nguồn xây dựng cơ bản kéo dài qua nhiều năm, đề nghị UBND huyện sớm có các giải pháp để thanh, quyết toán nguồn kinh phí tạm ứng chi XDCB từ năm 2012 (3.480.000.000 đồng) và nguồn thực hiện dự án Đa Bông Cua từ năm 2014 (605.700.000 đồng).

III. Về dự thảo Nghị quyết

Ban kinh tế - Xã hội nhận thấy dự thảo nghị quyết (kèm theo các biểu mẫu và phụ lục) đảm bảo về nội dung, căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định hiện hành; Ban Kinh tế - Xã hội đề nghị HĐND huyện xem xét, thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội về phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện năm 2023, Ban Kinh tế - Xã hội trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT

TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Thu Hương